



CÔNG TY CP KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 04 /2026 / DTT-CVGT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Giải trình BCTC 6 tháng đầu năm 2026

---o0o---

TP. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Ngày 14/08/2026 Công ty CP Kỹ Nghệ Đô Thành đã công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán soát xét năm 2026. Công ty chúng tôi làm công văn này giải trình biến động lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2026 so với lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu Năm 2026	6 tháng đầu Năm 2025	Tỷ lệ Tăng(+),giảm(-)
Tổng doanh thu thuần	121.926.660.420	92.693.438.125	+ 31.54%
Giá vốn hàng bán	95.231.289.979	76.698.591.411	+24.16%
Lợi nhuận sau thuế	10.877.845.131	5.993.150.869	+81.50%

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 tăng so với cùng kỳ năm 2025 nguyên do:

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều tăng.
- Kiểm soát chặt chẽ giá Nguyên vật liệu đầu vào sản xuất ổn định.
- Kiểm soát được các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công Ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.

Trân trọng!

CÔNG TY CP KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Công Nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2026 /DTT-CVGT

TP HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2026

V/v: Giải trình chênh lệch số
 liệu BCTC 06 tháng đầu năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Liên quan đến chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2026 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2026 đã công bố trước kiểm toán, nay Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình như sau:

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Một số chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán đã được Kiểm toán viên điều chỉnh và phân loại lại như sau:

Khoản mục	BCTC 06 tháng đầu năm 2026 (trước kiểm toán)		BCTC 06 tháng đầu năm 2026 (đã kiểm toán)		Chênh lệch	
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	134.647.378.312	100	132.190.363.273	(2.457.015.039)	
Tiền	111	46.022.239.246	111	46.023.065.091	825.845	(1)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng.	131	37.362.537.415	131	37.339.360.894	(23.176.521)	(2)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(702.081.702)	136	(824.122.873)	122.041.171	(3)
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	2.436.864.868	161	124.241.676	(2.312.623.192)	(4)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	75.101.337.091	200	80.088.216.142	2.259.066.524	
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(117.754.066.448)	223	(117.756.116.44)	2.050.001	(5)
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	2.727.812.527	271	4.988.929.052	2.261.116.525	(6)
NỢ PHẢI TRẢ	300	69.851.725.963	300	69.747.277.556	(104.448.407)	
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10.412.018.752	311	10.311.276.042	(100.742.710)	(7)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		313	6.813.143.620	6.813.143.620	(8)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.228.645.667	314	2.934.964.410	(293.681.257)	(9)
Phải trả ngắn hạn khác	320	6.617.882.295	320	116.908.235	(6.586.816.362)	(10)
Phải trả dài hạn khác	338	3.439.106.034	338	3.416.912.034	(22.194.000)	(11)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	142.624.801.967	400	142.531.301.859	(93.500.108)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	13.608.010.017	421	13.514.509.909	(93.500.108)	(12)

Chi tiết chênh lệch:

- (1) Mã số 111 tăng là do số tiền thu trên hệ thống bị lỗi phần mềm, số tiền điều chỉnh tăng 825.845 đồng.
- (2) Mã số 131 giảm là do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá, số tiền điều chỉnh giảm 23.176.521 đồng.
- (3) Mã số 136 tăng là do Kiểm toán trích thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi, số tiền điều chỉnh tăng 122.041.171 đồng.
- (4) Mã số 161 giảm là do Kiểm toán sắp xếp phân loại lại công cụ trên 12 tháng sang phân bổ dài hạn, số tiền điều chỉnh giảm 2.312.623.192 đồng.
- (5) Mã số 223 tăng là do kiểm toán đánh giá lại tài sản và trích bổ sung, số tiền điều chỉnh tăng 2.050.001 đồng.
- (6) Mã số 271 tăng là do Kiểm toán sắp xếp phân loại lại công cụ trên 12 tháng từ ngắn hạn sang phân bổ dài hạn, số tiền điều chỉnh tăng 2.261.116.525 đồng.
- (7) Mã số 311 giảm là do Kiểm toán ghi nhận doanh thu các công nợ không phải trả do 1 số khách đã giải thể, số tiền điều chỉnh giảm 100.742.710 đồng.
- (8) Mã số 313 tăng là do Kiểm toán phân loại chuyển từ phải trả ngắn hạn khác sang tài khoản cổ tức, số tiền điều chỉnh tăng 6.813.143.620 đồng.
- (9) Mã số 314 giảm là do Kiểm toán Hoàn bút toán TRÍCH THUẾ TNCN CỦA CỔ ĐÔNG TỪ CỔ TỨC, số tiền điều chỉnh giảm 293.681.257 đồng.
- (10) Mã số 320 giảm là do Kiểm toán kết chuyển phân trích cổ tức từ phải trả ngắn hạn sang tài khoản cổ tức, số tiền điều chỉnh giảm 6.586.816.362 đồng.
- (11) Mã số 338 giảm Kiểm toán điều chỉnh tiền kỹ quỹ do đơn vị đã xuất hóa đơn với số tiền 22.194.000 đồng.
- (12) Mã số 421 giảm Kiểm toán điều chỉnh do ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên.

B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	BCTC 06 tháng đầu năm 2026 (trước kiểm toán)		BCTC 06 tháng đầu năm 2026 (đã kiểm toán)		Chênh lệch	
	Mã số	Số tiền	Mã số	Số tiền		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	122.445.755.929	01	122.333.459.734	(112.296.195)	(1)
Giá vốn hàng bán	11	95.177.733.311	11	95.231.289.979	53.556.668	(2)
Doanh thu hoạt động tài chính	22	397.203.933	22	396.133.535	(1.070.398)	(3)
Chi phí tài chính	26	1.135.908.882	26	1.135.198.295	(710.587)	(4)
Chi phí bán hàng	27	7.039.466.386	27	6.927.170.191	(112.296.195)	(5)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	5.301.952.258	28	5.423.167.584	121.215.326	(6)
Thu nhập khác	31	371.575.844	31	370.862.536	(713.308)	(7)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.952.344.388	50	13.877.332.583	(75.011.805)	(8)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.980.999.149	51	2.999.487.452	18.488.303	(9)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.971.345.239	60	10.877.845.131	(93.500.108)	(10)
--	----	----------------	----	----------------	--------------	------

Chi tiết chênh lệch:

- (1) Mã số 01 giảm do Kiểm toán loại trừ doanh thu nội bộ với số tiền 112.296.195 đồng
- (2) Mã số 11 tăng do Kiểm toán bổ sung chi phí khấu hao số tiền 53.556.668 đồng.
- (3) Mã số 22 giảm do Kiểm toán đánh giá chênh lệch tỷ giá giảm số tiền 1.070.398 đồng.
- (4) Mã số 26 giảm đánh giá chênh lệch tỷ giá giảm số tiền 710.587 đồng.
- (5) Mã số 27 giảm do Kiểm toán điều chỉnh Điều chỉnh giảm doanh thu hàng biếu tặng 112.296.195 đồng .
- (7), (8) (9) (10) Mã số 31,50, 51, 60 giảm do ảnh hưởng của các điều chỉnh liên quan đến doanh thu và chi phí nêu trên.

C. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	BCTC 6 tháng đầu năm 2026 (trước kiểm toán)	BCTC 6 tháng đầu năm 2026 (đã kiểm toán)	Chênh lệch
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,862,465,624)	(2,784,248,290)	(921.782.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3,537,391,293)	(2,566,360,695)	(971,030,598)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11,279,384,608	11,328,632,540	49.247.932
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	332,933,140	284,511,053	(48.422.087)

Nguyên nhân chênh lệch: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty do phần mềm kế toán tổng hợp nên một số chỉ tiêu được mặc định sẵn. Kiểm toán tổng hợp lại lưu chuyển tiền thực tế theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính theo thực tế phát sinh tại Công ty nên phát sinh chênh lệch số liệu so với số liệu Công ty tổng hợp.

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành xin giải trình đề Quý Cơ quan được biết.

Trân trọng.

TM. CÔNG TY CP KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Công Nghiệp